

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 212/2022/DS – ST

Ngày: 30-9-2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Cẩm và bà Trần Thị Liên.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Dịu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:
Bà H’Michan Niê – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 262/2022/TLST-DS ngày 9/6/2022 về việc “ Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2022/QĐXX-DS ngày 24/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 249/2022/QĐST-DS ngày 09/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 đường N, phường V, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang Tr, chức vụ: Chuyên viên; Địa chỉ: 130-132 đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Ông Trương Huỳnh N, sinh năm: 1989; Địa chỉ: 266/1/1 đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

1.Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn Ngân Hàng TMCP S ông Nguyễn Quang Tr trình bày:

Vào ngày 22/08/2019, ông Trương Huỳnh N có ký với Ngân hàng S (gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số thẻ 356481 - 3715 với lãi suất thỏa thuận là 2,6%/tháng (Bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và các phụ lục điều khoản, điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu được gọi chung là hợp đồng).

Căn cứ theo thu nhập của ông Trương Huỳnh N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 40.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 29/9/2022 ông N còn nợ ngân hàng số tiền 66.478.200 đồng (gồm 44.808.828đ nợ gốc và 21.669.372đ tiền lãi tính đến hết ngày 29/9/2022).

Do đó để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng. Ngân hàng TMCP S khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Trương Huỳnh N có N vụ trả cho Ngân hàng số tiền 66.478.200 đồng và lãi phát sinh tính từ ngày 30/9/2022 cho đến khi trả hết nợ.

Do bị đơn vắng mặt nên nguyên đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết. Kết luận giám định kết luận đúng là chữ viết, chữ ký do một người viết và ký ra và thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến như sau:

- **Về tố tụng:** Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành theo đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- **Về nội dung:** Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 26 Luật TTDS; Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S. Buộc ông Trương Huỳnh N có N vụ trả cho Ngân hàng, số tiền là 66.478.200 đồng (gồm 44.808.828 nợ gốc và 21.669.372đ tiền lãi tính đến hết ngày 29/9/2022) và tiền lãi phát sinh theo mức thỏa thuận trong hợp đồng từ ngày 30/9/2022 cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn phải chịu tiền án phí và chi phí giám định theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn cư trú tại 266/1/1 đường H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp theo quy định tại Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Trọng N có N vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc là 66.478.200đồng (gồm 44.808.828 nợ gốc và 21.669.372đ tiền lãi tính đến hết ngày 29/9/2022) và tiền lãi phát sinh theo mức thỏa thuận trong hợp đồng từ ngày 30/9/2022 cho đến khi trả hết nợ và cung cấp tài liệu chứng cứ là giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; các phụ lục có nội dung bên cho vay là Ngân hàng TMCP S đồng ý cấp hạn mức tín dụng cho ông Trương Huỳnh N vay số tiền 40.000.000đ; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S có hiệu lực từ 04/01/2017 và các bảng tóm tắt sao kê.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án đã tổng đạt hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, do đó nguyên đơn đã có đơn đề nghị giám định chữ ký, chữ viết; Kết luận giám định số 751/KL-KTHS ngày 18/8/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận, chữ ký chữ viết họ tên Trương Huỳnh N trên mẫu cần giám định (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng) so với mẫu chữ ký, chữ viết trong mẫu so sánh (Biên bản giao) là do cùng một người ký và viết ra.

Nguyên đơn cho rằng từ khi vay bị đơn chưa trả cho nguyên đơn khoản tiền nào, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa tham gia tố tụng nên không lấy được lời khai của bị đơn, do đó cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 66.478.200đồng (gồm 44.808.828 nợ gốc và 21.669.372đ tiền lãi tính đến hết ngày 29/9/2022) và tiền lãi phát sinh theo mức thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là phù hợp cần chấp nhận.

[4]. Về án phí và các chi phí tố tụng khác:

-Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Huỳnh Trọng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn cụ thể: $66.478.200\text{đồng} \times 5\% = 3.324.000\text{đồng}$

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí DSST, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

-Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.100.000đ; Do kết quả giám định chứng minh yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên bị đơn ông Trương Huỳnh N phải chịu chi phí giám định là 5.100.000đ, Ngân hàng TMCP S được nhận lại số tiền trên sau khi thu được của ông N là phù hợp quy định tại Điều 161 BLTTDS.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ: Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S.

Buộc ông Trương Huỳnh N có N vụ trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền nợ gốc là 44.808.828 và tiền lãi tính đến hết ngày 29/9/2022 là 21.669.372đ. Tổng cộng: 66.478.200đồng (Sáu mươi sáu triệu, bốn trăm bảy mươi tám ngàn, hai trăm đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/9/2022 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng (Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng TMCP S có hiệu lực từ 04/01/2017)

- Về án phí: Ông Trương Huỳnh N phải chịu: 3.324.000 đồng (Ba triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn đồng) án phí DSST.

Ngân hàng TMCP S không phải chịu án phí DSST, được nhận lại 1.432.000đ (Một triệu bốn trăm ba mươi hai ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: AA/2021/0012963 ngày 25/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

-Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Ông Trương Huỳnh N phải chịu chi phí giám định là 5.100.000đ (Năm triệu một trăm ngàn đồng), Ngân hàng TMCP S không phải chịu chi phí giám định chữ ký, chữ viết được nhận lại số tiền 5.100.000đồng (Năm triệu một trăm ngàn đồng) tạm ứng chi phí đã nộp sau khi thu được của ông Trương Huỳnh N.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7 và điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh, Tp. BMT;
- THADS Tp. B;
- Đương sự.
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nguyệt

